

Số: 76/KH-NTr

Măng Đen, ngày 04 tháng 10 năm 2022

**KẾ HOẠCH**  
**Triển khai thực hiện ba công khai năm học 2022 - 2023**

- Căn cứ Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo ban hành Điều lệ trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học qui định nhiệm vụ, quyền hạn của hiệu trưởng THCS;

- Căn cứ Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

- Căn cứ Kế hoạch số 72/KH-NTr, ngày 29/09/2022 của trường THCS Măng Đen về kế hoạch kiểm tra nội bộ trường học năm học 2022-2023;

Trường THCS Măng Đen xây dựng Kế hoạch V/v thực hiện 3 công khai năm học 2022-2023, cụ thể như sau:

**I. MỤC TIÊU, YÊU CẦU THỰC HIỆN CÔNG KHAI:**

**1. Mục tiêu:**

- Nâng cao ý thức và tinh thần trách nhiệm trong đội ngũ cán bộ quản lý và tập thể giáo viên nhà trường, thúc đẩy cán bộ giáo viên nhà trường phấn đấu vươn lên trong công tác, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao trong năm học.

- Quản lý tốt việc thu, chi ngân sách cũng như việc sử dụng các nguồn đóng góp tự nguyện từ phụ huynh học sinh đảm bảo khách quan chống các biểu hiện tiêu cực trong đơn vị, từ đó xây dựng tập thể có tính đoàn kết nội bộ tốt.

- Thực hiện công khai của nhà trường nhằm nâng cao tính minh bạch, phát huy dân chủ, tăng cường tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong quản lý nguồn lực và đảm bảo chất lượng giáo dục.

**2. Yêu cầu:**

- Tổ chức thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở và các nội dung công khai để xây dựng mối đoàn kết nội bộ trong trường học.

- Thực hiện công khai cam kết của nhà trường về chất lượng giáo dục thực tế, về điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục và về thu chi tài chính để người học, các thành viên của nhà trường và xã hội tham gia giám sát và đánh giá nhà trường theo quy định của pháp luật.

**II. NỘI DUNG THỰC HIỆN:**

**1. Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế.**

*a. Cam kết chất lượng giáo dục:*

Điều kiện về đối tượng tuyển sinh của nhà trường, chương trình giáo dục mà nhà trường tuân thủ, yêu cầu phối hợp giữa nhà trường và gia đình, yêu cầu thái độ học tập của học sinh, điều kiện cơ sở vật chất của nhà trường, các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho học sinh ở nhà trường, đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và phương pháp quản lý của nhà trường; kết quả đạo đức, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được; khả năng học tập tiếp tục của học sinh (*theo Biểu mẫu 09*).

*b. Chất lượng giáo dục thực tế:*

Số học sinh xếp loại theo hạnh kiểm, học lực, tổng hợp kết quả cuối năm; tình hình sức khỏe của học sinh; số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi, số học sinh dự xét tốt nghiệp THCS, số học sinh được công nhận tốt nghiệp THCS, số học sinh thi đỗ vào lớp 10 THPT (*theo Biểu mẫu 10*).

*c. Mức chất lượng tối thiểu, đạt chuẩn quốc gia:*

Kế hoạch thực hiện mức chất lượng tối thiểu và kết quả đánh giá mức chất lượng tối thiểu. Kế hoạch xây dựng nhà trường đạt chuẩn quốc gia và kết quả đạt được.

*d. Kiểm định nhà trường:*

Kế hoạch kiểm định chất lượng giáo dục, báo cáo tự đánh giá, báo cáo đánh giá ngoài, kết quả công nhận đạt hoặc không đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

**2. Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng nhà trường.**

*a. Cơ sở vật chất:*

Số lượng, diện tích các loại phòng học, phòng chức năng, số thiết bị dạy học đang sử dụng, tính bình quân trên một lớp (*theo Biểu mẫu 11*).

*b. Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên:*

- Số lượng, chức danh có phân biệt theo hình thức tuyển dụng và trình độ đào tạo (*theo Biểu mẫu 12*).

- Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng; hình thức, nội dung, trình độ và thời gian đào tạo và bồi dưỡng trong năm học và 2 năm tiếp theo.

**3. Công khai thu chi tài chính.**

- Công khai tài chính theo các văn bản quy định hiện hành về quy chế công khai tài chính đối với các đơn vị dự toán ngân sách. Công khai các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân.

- Thực hiện niêm yết các biểu mẫu công khai dự toán, quyết toán thu chi tài chính theo hướng dẫn của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 và Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 về sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính.

- Các khoản chi theo từng năm học: Các khoản chi lương, chi bồi dưỡng chuyên môn, chi hội họp, hội thảo, chi tham quan học tập trong nước và nước ngoài; mức thu nhập hàng tháng của giáo viên và cán bộ quản lý (mức cao nhất, bình quân và thấp nhất); mức chi thường xuyên/1 học sinh; chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị.

- Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội.

- Kết quả kiểm toán (nếu có): thực hiện công khai kết quả kiểm toán theo quy định tại các văn bản quy định hiện hành về công khai kết quả kiểm toán và kết quả thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước.

- Mức thu học phí và các khoản thu khác theo từng năm học và dự kiến cho cả cấp học.

- Chính sách học bổng và kết quả thực hiện trong từng năm học.

### **III. HÌNH THỨC VÀ THỜI ĐIỂM CÔNG KHAI:**

#### **1. Hình thức:**

- Công khai trên website của nhà trường tại địa chỉ: <http://c2mangden.pgdkonplong.edu.vn/>.

- Niêm yết công khai tại bảng tin nhà trường.

- Công khai trong các kỳ họp, đại hội Ban đại diện cha mẹ học sinh.

#### **2. Thời điểm công khai:**

- Công khai vào tháng 6 hàng năm, khi kết thúc năm học, đảm bảo tính đầy đủ, chính xác và cập nhật khi khai giảng năm học mới (tháng 9) hoặc khi có nội dung thay đổi liên quan.

- Thời gian thực hiện niêm yết ít nhất 30 ngày liên tục kể từ ngày niêm yết.

### **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO:**

#### **1. Hiệu trưởng chịu trách nhiệm:**

- Tổ chức thực hiện các nội dung, hình thức và thời điểm công khai theo quy định. Thực hiện tổng kết, đánh giá công tác công khai nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả công tác quản lý.

- Báo cáo kết quả thực hiện quy chế công khai của năm học 2021-2022 và kế hoạch triển khai công tác công khai của năm học 2022-2023 về Phòng GD&ĐT.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kiểm tra việc thực hiện công khai của nhà trường của các cấp.

- Thực hiện công bố kết quả kiểm tra vào thời điểm không quá 5 ngày sau khi nhận được kết quả kiểm tra của cơ quan chỉ đạo, chủ trì tổ chức kiểm tra và bằng các hình thức sau đây:

+ Công bố công khai trong cuộc họp với cán bộ, giáo viên, nhân viên của nhà trường.

+ Niêm yết công khai kết quả kiểm tra tại nhà trường đảm bảo thuận tiện cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh hoặc người học được biết.

+ Đưa lên trang thông tin điện tử của nhà trường.

## **2. Trách nhiệm các thành viên thực hiện công khai trong nhà trường.**

Các thành viên trong nhà trường được phân công nhiệm vụ các công việc có nội dung công khai thực hiện theo đúng quy định về thời gian công khai và hình thức thực hiện như phần III.

### **\* Phó hiệu trưởng:**

- Hoàn thành các nội dung công khai theo biểu mẫu số 9, 10: Công khai về cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế.

- Phối hợp cùng bộ phận văn phòng công khai đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên (biểu 12).

\* **Văn phòng nhà trường:** Phụ trách cơ sở vật chất và thiết bị dạy học thực hiện công khai về cơ sở vật chất theo (biểu số 11).

\* **Kế toán:** Thực hiện công khai tài chính của đơn vị, thực hiện như nội dung 3 phần II.

### **\* Ban thanh tra nhân dân:**

Có trách nhiệm thanh tra các quỹ đúng thời gian, công khai vào phiên Hội nghị cán bộ viên chức hàng năm và niêm yết tại phòng HĐSP nhà trường.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện 3 công khai về chất lượng giáo dục thực tế, điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục và thu, chi tài chính năm học 2022-2023 của trường THCS Măng Đen ./.

### **Nơi nhận:**

- Phòng GD&ĐT;
- PHT; Các bộ phận; Tổ CM;
- Lưu VPNT.

**TRƯỜNG THCS MĂNG ĐEN**  
**HIỆU TRƯỞNG**



*Hoàng Ngọc Đăng*

**Biểu mẫu 09****PHÒNG GD&ĐT KON PLÔNG  
TRƯỜNG THCS MĂNG ĐEN****THÔNG BÁO****Cam kết chất lượng giáo dục của trường trung học cơ sở Măng Đen  
Năm học 2022-2023**

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp			
		Khối 6	Khối 7	Khối 8	Khối 9
I	Điều kiện tuyển sinh	63 HS 100% HS trong độ tuổi, HTCT Tiểu học ra lớp	55 HS 100% HS trong độ tuổi ra lớp	50 HS 100% HS trong độ tuổi ra lớp	41 HS 100% HS trong độ tuổi ra lớp
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 đối với khối lớp 6, 7.</li> <li>- Thực hiện chương trình học 35 tuần/năm học. Tất cả các khối trong trường thực hiện học hơn 6 buổi/tuần.</li> <li>- Dạy môn tự chọn (Tin học) các khối lớp 8, 9 với thời lượng 2 tiết/tuần/lớp.</li> <li>- Dạy học theo chuẩn kiến thức, kỹ năng của chương trình GDPT. Đẩy mạnh dạy học theo phát huy năng lực của người học.</li> <li>- Thực hiện các tiết giáo dục ngoài giờ lên lớp và các tiết giáo dục hướng nghiệp cho học sinh khối 9.</li> </ul>			
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình; Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhà trường phối hợp chặt chẽ với gia đình và các tổ chức đoàn thể trên địa bàn thị trấn Măng Đen (4 tổ dân phố + 1 thôn) làm tốt công tác giáo dục trong và ngoài nhà trường.</li> <li>- Học sinh thực hiện tốt nội qui nhà trường, nội qui nề nếp của liên Đội và nội qui thực hiện của lớp.</li> </ul>			
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp với nội dung và hình thức phong phú.</li> <li>- Lồng ghép nội dung giáo dục "Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh", giáo dục kỹ năng sống, bảo vệ môi trường; Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học trong một số môn học: GD&amp;ĐT, Văn học, Sinh học, Địa lý, Tiếng anh, Lịch sử, Giáo dục hướng nghiệp (khối 9).</li> <li>- Thực hiện chính sách miễn, giảm học phí. Quan tâm, chăm lo, hỗ trợ học sinh nghèo, học sinh DTTS và học sinh có hoàn cảnh khó khăn.</li> </ul>			

V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	<b>* Phẩm chất:</b> - Tốt: 88% - Khá: 12% <b>* Học tập:</b> - Giỏi: 18% - Khá: 45% - TB: 35% - Yếu: 3% <b>* Sức khỏe:</b> - Tốt: 90% - Khá: 10%	<b>* Phẩm chất:</b> - Tốt: 90% - Khá: 10% <b>* Học tập:</b> - Giỏi: 18% - Khá: 45% - TB: 35% - Yếu: 3% <b>* Sức khỏe:</b> - Tốt: 90% - Khá: 10%	<b>* Phẩm chất:</b> - Tốt: 55% - Khá: 45% <b>* Học tập:</b> - Giỏi: 26% - Khá: 28% - TB: 44% - Yếu: 2% <b>* Sức khỏe:</b> - Tốt: 90 % - Khá: 10 %	<b>* Phẩm chất:</b> - Tốt: 88% - Khá: 12% <b>* Học tập:</b> - Giỏi: 14% - Khá: 50% - TB: 36% - Yếu: 0% <b>* Sức khỏe:</b> - Tốt: 90% - Khá: 10%
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	63 HS	55 HS	40 HS	41/41 học sinh thi đỗ vào các trường THPT trong và ngoài tỉnh.

Măng Đen, ngày 04 tháng 10 năm 2022

**Thủ trưởng đơn vị**



*Hoàng Ngọc Đăng*

**Biểu mẫu 10**

**PHÒNG GD&ĐT KON PLÔNG  
TRƯỜNG THCS MĂNG ĐEN**

**THÔNG BÁO**

**Công khai chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học cơ sở Măng Đen  
Năm học 2021-2022**

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Khối 6	Khối 7	Khối 8	Khối 9
<b>I</b>	<b>Số học sinh chia theo hạnh kiểm</b>	<b>194</b>	<b>58</b>	<b>50</b>	<b>49</b>	<b>37</b>
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	<b>154</b> <b>79,4%</b>	52 89,7%	25 50,0%	43 87,9%	34 91,9%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	<b>37</b> <b>19,1%</b>	6 10,3%	22 44,0%	6 12,2%	4 8,1%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	<b>3</b> <b>1,5%</b>		3 6,0%		
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)					
<b>II</b>	<b>Số học sinh chia theo học lực</b>	<b>194</b>	<b>58</b>	<b>50</b>	<b>49</b>	<b>37</b>
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	<b>35</b> <b>18,0%</b>	10 17,3%	13 26,0%	6 12,2%	6 16,2%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	<b>83</b> <b>42,8%</b>	26 44,8%	14 28,0%	24 49,0%	19 51,4%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	<b>72</b> <b>37,1%</b>	21 36,2%	22 44,0%	17 34,7%	12 34,4%
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	<b>4</b> <b>2,1%</b>	1 1,7%	1 2,0%	2 4,1%	
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)					
<b>III</b>	<b>Tổng hợp kết quả cuối năm</b>	<b>194</b>	<b>58</b>	<b>50</b>	<b>49</b>	<b>37</b>
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	<b>190</b> <b>97,9%</b>	57 98,3%	49 98,0%	47 95,9%	37 100%
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	<b>35</b> <b>18,0%</b>	10 17,3%	13 26,0%	6 12,2%	6 16,2%
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	<b>83</b> <b>42,8%</b>	26 44,8%	14 28,0%	24 49,0%	19 51,4%
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	<b>9</b> <b>4,6%</b>	2 3,4%	3 6,0%	4 8,2%	
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	<b>4</b> <b>2,1%</b>	1 1,7%	1 2%	2 4,1%	

4	Chuyên trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	15/9	4/1	4/3	4/1	3/4
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)					
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	<b>4</b> <b>2,1%</b>	3 5,2%			1 2,7%
<b>IV</b>	<b>Số học sinh đạt giải các kỳ thi HSG</b>					
1	Cấp huyện	<b>20</b>		7	4	9
2	Cấp tỉnh/thành phố	<b>7</b>				7
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế					
<b>V</b>	<b>Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp</b>	<b>37</b>				<b>37</b>
<b>VI</b>	<b>Số học sinh được công nhận tốt nghiệp</b>	<b>37</b>				<b>37</b>
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)					6 16,2%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)					19 51,4%
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)					12 34,4%
<b>VII</b>	<b>Số học sinh nam/số học sinh nữ</b>	<b>87/89</b>	<b>33/26</b>	<b>24/26</b>	<b>23/26</b>	<b>17/20</b>
<b>VIII</b>	<b>Số học sinh dân tộc thiểu số</b>	<b>30</b>	<b>12</b>	<b>5</b>	<b>7</b>	<b>6</b>

Măng Đen, ngày 04 tháng 10 năm 2022

Thủ trưởng đơn vị



*Hoàng Ngọc Đăng*



**Biểu mẫu 11****PHÒNG GD&ĐT KON PLÔNG  
TRƯỜNG THCS MĂNG ĐEN****THÔNG BÁO****Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường trung học cơ sở Măng Đen  
Năm học 2022-2023**

<b>STT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Bình quân</b>
<b>I</b>	<b>Số phòng học</b>	8	1,9 m <sup>2</sup> /hs
<b>II</b>	<b>Loại phòng học</b>		-
1	Phòng học kiên cố	8	1,9 m <sup>2</sup> /hs
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Số phòng học bộ môn	1	-
5	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	0	-
6	Bình quân lớp/phòng học	1/1	-
7	Bình quân học sinh/lớp	25	-
<b>III</b>	<b>Số điểm trường</b>	1	-
<b>IV</b>	<b>Tổng số diện tích đất (m<sup>2</sup>)</b>	20,000	
<b>V</b>	<b>Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m<sup>2</sup>)</b>	1,000	
<b>VI</b>	<b>Tổng diện tích các phòng</b>	378	
1	Diện tích phòng học (m <sup>2</sup> )	336	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m <sup>2</sup> )	42	
3	Diện tích thư viện (m <sup>2</sup> )	0	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m <sup>2</sup> )	0	
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m <sup>2</sup> )	0	
<b>VII</b>	<b>Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)</b>	0	Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	0	
1.1	Khối lớp 6	0	
1.2	Khối lớp 7	0	
1.3	Khối lớp 8	0	
1.4	Khối lớp 9	0	
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	8	Số bộ/lớp
2.1	Khối lớp 6	2	1bộ/1lớp
2.2	Khối lớp 7	2	1bộ/1lớp
2.3	Khối lớp 8	2	1bộ/1lớp
2.4	Khối lớp 9	2	1bộ/1lớp

3	Vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)	0	
<b>VIII</b>	<b>Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập</b> (Đơn vị tính: bộ)	26	7,6 HS/1bộ
<b>IX</b>	<b>Tổng số thiết bị dùng chung khác</b>		
1	Ti vi	9	
2	Cát xét	0	
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	2	
5	Máy in canon	2	
6	Máy tính phục vụ văn phòng	1	
7	Máy tính phục vụ chuyên môn	1	
8	Amplify+Loa	2 bộ	
9	Máy tính xách tay	1	
10	Máy photocopy	1	

	Nội dung	Số lượng (m <sup>2</sup> )
<b>X</b>	<b>Nhà bếp</b>	0
<b>XI</b>	<b>Nhà ăn</b>	0

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m <sup>2</sup> )	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
<b>XII</b>	<b>Phòng nghỉ cho HS bán trú</b>	0		
<b>XIII</b>	<b>Khu nội trú</b>	0		

<b>XIV</b>	<b>Nhà vệ sinh</b>	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m <sup>2</sup> /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*			2		0.22
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	1				

	Nội dung	Có	Không
<b>XV</b>	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
<b>XVI</b>	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
<b>XVII</b>	Kết nối internet	x	
<b>XVIII</b>	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
<b>XIX</b>	Tường rào xây	x	

Măng Đen, ngày 04 tháng 10 năm 2022

Thủ trưởng đơn vị



Hoàng Ngọc Đặng

Biểu mẫu 12

**PHÒNG GD&ĐT KON PLÔNG**  
**TRƯỜNG THCS MĂNG ĐEN**

**THÔNG BÁO**

**Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường trung học cơ sở năm học 2022-2023**

TT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp					
			Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt	
	<b>Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên</b>	<b>24</b>		<b>1</b>	<b>22</b>	<b>1</b>				<b>10</b>	<b>12</b>		<b>9</b>	<b>13</b>		
<b>I</b>	<b>Giáo viên</b> Trong đó số giáo viên dạy môn:	<b>20</b>			<b>20</b>					<b>9</b>	<b>11</b>		<b>8</b>	<b>12</b>		
1	Toán	4			4					3	1		2	2		
2	Lý	1			1						1			1		
3	Hóa	1			1						1		1			
4	Sinh vật	1			1						1		1			
5	Địa lý	1			1						1		1			
6	Văn học	2			2				1	1		1	1			
7	Lịch sử	1			1				1					1		
8	Ngoại ngữ	2			2				1	1		1	1			
9	Thể Dục	2			2				1	1		1	1			
10	Tin học	1			1					1				1		
11	Công nghệ	1			1					1				1		
12	Âm Nhạc	1			1				1					1		
13	Mĩ Thuật	1			1					1				1		
14	Giáo dục công dân	1			1				1					1		
<b>II</b>	<b>Cán bộ quản lý</b>	<b>2</b>		<b>1</b>	<b>1</b>				<b>1</b>	<b>1</b>		<b>2</b>				
1	Hiệu trưởng	1		1						1		1				
2	Phó hiệu trưởng	1			1				1				1			
<b>III</b>	<b>Nhân viên</b>	<b>2</b>			<b>1</b>	<b>1</b>										
1	Nhân viên văn thư															
2	Nhân viên kế toán	1			1											

3	Thủ quỹ													
4	Nhân viên y tế													
5	Nhân viên thư viện													
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	1				1								
7	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật													
8	Nhân viên công nghệ thông tin													
9	...													

Măng Đen, ngày 04 tháng 10 năm 2022

**Thủ trưởng đơn vị**



*Hoàng Ngọc Đăng*